

9강. 베트남어 자음(3)

1. 베트남어 복자음 – 10개

CH GH KH NH NG
NGH PH QU TH TR

(1) **CH ch (찌)** 우리말의 'ㅈ'의 발음. 혀끝을 말아 입천장에 붙였다 떼는 소리

✓ Chết / che / chán / Chiều

(2) **GH gh (거)** 우리말의 'ㄱ'의 발음. G와 발음 비슷.

✓ Ghi / Ghế / ghen / ga

(3) **KH kh (커)** 우리말의 'ㅋ'의 발음

✓ Khen / Khó / Khác/ khoe

(4) **NG ng (응어)** 우리말의 'ㅇ'의 발음

✓ Ngon / Ngu / Người / Ngủ

(5) **NGH ngh (응어)** 우리말의 '응' 의 발음

✓ Nghi / Nghe / Nghĩ / Nghề

(6) **NH nh (니)** 우리말의 '나' 의 발음

✓ Nhà / Anh / Nho / nhé

(7) **PH ph (피)** 알파벳의 'f' 발음

✓ Phi / Phải / Phở / Phụ

(8) **QU qu (꺼)** 우리말의 'ㄱ' 소리를 낸다. K 와 C 발음과 같다

✓ Quốc / Quả / Quyết định / quà

(9) **TH th (터)** 우리말의 'ㅌ' 의 발음

✓ Thế giới / Thu / Tha / thích

(10) **TR tr (찌)** 우리말의 'ㅈ' 의 발음

✓ Trời / Tre / Trắng / Trừ

2. 베트남어 같은 음을 내는 첫 자음

CH = TR	‘ㅈ’
D = GI = R	‘Z’
S = X	‘ㅅ’
G = GH	‘ㄱ’
NG = NGH	‘ㅇ’